



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhhen@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: VIMCERTS 195



Số: KTMT/KQN/11.02.2022/545/JYM 1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 557

Cơ sở: Công ty TNHH Joyo Mark (Việt Nam)

Địa chỉ: Lô số 10, đường TS-19, KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh

Tên/Loại mẫu	Nước thải sau xử lý
Ngày gửi mẫu	11/02/2022
Người gửi mẫu	Phạm Minh Huệ
Ngày phân tích	11/02-21/02/2022

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)	
					C	Cmax
1	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,8	5,5 đến 9	5,5 đến 9
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	22	150	150
3	SS (Chất rắn lơ lửng)	mg/L	TCVN 6625:2000	7	100	108
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001:2008	8,5	50	54
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	14,7	150	162
6	As (Asen)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,003	0,1	0,108
7	Pb (Chì)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,002	0,5	0,54
8	Cu (Đồng)	mg/L	TCVN 6193:1996	<0,02	2	2,16
9	Ni (Niken)	mg/L	TCVN 6193:1996	0,066	0,5	0,54
10	Fe (Sắt)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,46	5	5,4
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	0,5	Không quy định	Không quy định
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	0,6	10	10,8
13	NH ₄ ⁺ -N (Amoni tính theo N)	mg/L	EPA Method 350.2	5,6	10	10,8
14	N (Tổng nitơ)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,96	40	43,2
15	P (Tổng photpho)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,92	6	6,48
16	Coliform (***)	MPN /100mL	TCVN 6187-2:1996	2100	5000	5000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (Bộ Tài nguyên môi trường).



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 195**



- Cột B_ Áp dụng khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt .
- + Giá trị nồng độ tối đa cho phép $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$
- + Giá trị hệ số $K_q = 0,9$ khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy
- + Giá trị hệ số $K_f = 1,2$ ứng với lưu lượng nguồn thải $F \leq 50 \text{ m}^3/24\text{h}$
- + (***) Các chỉ tiêu được thực hiện bởi Viện hóa học công nghiệp Việt Nam – Vimcerts 087

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

THAY MẶT
CÁN BỘ PHẢN TÍCH

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Thị Hạnh



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY
ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.32669875 Email: ceecevhen@gmail.com
Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: VIMCERTS 195



Số: KTMT/11.02.22/KT1-KT3/JYM-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH Joyo Mark (Việt Nam)

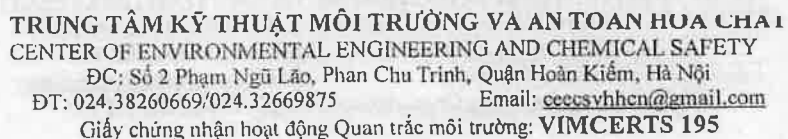
Địa chỉ: Lô số 10, đường TS-19, KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh

Vị trí quan trắc	KT-1	Ống thoát khí ra ngoài môi trường (Lần 1)
	KT-2	Ống thoát khí ra ngoài môi trường (Lần 2)
	KT-3	Ống thoát khí ra ngoài môi trường (Lần 3)
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 11 tháng 02 năm 2022	
Người lấy mẫu	Vũ Minh Huy, Đinh Quang Minh, Phạm Minh Huệ	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nhiều mây, nhiệt độ trung bình 20°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Vân Anh	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả				QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B, Cmax)
				KT-1	KT-2	KT-3	TB	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	2,4	2,4	2,5	2,4	200
2	CO	mg/Nm ³	QTHT - 40	<20	<20	<20	<20	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	QTHT - 40	<3,4	<3,4	<3,4	<3,4	500
4	NO _x	mg/Nm ³	QTHT - 40	<5,0	<5,0	<5,0	<5,0	850
5	NH ₃	mg/Nm ³	IS 11255 (part 6):1999	<5,2	<5,2	<5,2	<5,2	50
6	H ₂ S	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	<2,0	<2,0	<2,0	<2,0	7,5
7	n-Butyl axetate	mg/Nm ³	US EPA Method 18	0,16	0,13	0,20	0,16	950 ⁽¹⁾
8	Toluen	mg/Nm ³	US EPA Method 18	0,16	0,14	0,13	0,14	750 ⁽¹⁾
9	Benzen	mg/Nm ³	US EPA Method 18	<0,012	<0,012	<0,012	<0,012	5 ⁽¹⁾
10	Xylen	mg/Nm ³	US EPA Method 18	0,17	0,13	0,12	0,14	870 ⁽¹⁾
11	n-propanol (**)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,075	<0,075	<0,075	<0,075	980 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
 - Cột B: áp dụng cho Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
 - $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó $K_p=1$ do Lưu lượng nguồn thải $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$, $K_v=1$ do cơ sở thuộc Khu công nghiệp - khu vực loại 3
- **(1) QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.



- Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**TRƯỞNG PHÒNG
MÔI TRƯỜNG**

KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

_____ *[Signature]*

Lại Thi Thanh Nhân

ThS. Đinh Duy Chính



ThS. Nguyễn Thị Hạnh



Số: KTMT/11.02.22/K1-K3/JYM-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Cơ sở: Công ty TNHH Joyo Mark (Việt Nam)

Địa chỉ: Lô số 10, đường TS-19, KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh

Vị trí quan trắc	K1	Khu vực in
	K2	Khu vực cắt sản phẩm
	K3	Khu vực kiểm tra sản phẩm
Ngày quan trắc, lấy mẫu	Ngày 11 tháng 02 năm 2022	
Người lấy mẫu	Vũ Minh Huy, Đinh Quang Minh, Phạm Minh Huệ	
Đặc điểm thời tiết khi lấy mẫu	Trời nhiều mây, nhiệt độ trung bình 20°C	
Người phân tích	Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Vân Anh	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả			QCVN 03:2019 /BYT
				K1	K2	K3	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	22,0	21,5	21,3	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	68,0	68,0	66,1	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	CEECS/01	0,4	0,5	0,5	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,0	71,1	60,3	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,16	0,16	0,14	8 ⁽³⁾
6	CO	mg/m ³	CEECS/04	<5,08	<5,08	<5,08	20
7	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,04	0,04	0,03	5
8	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,06	0,06	0,06	5
9	NH ₃	mg/m ³	TCVN 5293:1995	0,013	0,017	<0,0093	17
10	H ₂ S	mg/m ³	MASA Method 701	<0,004	<0,004	<0,004	10
11	CH ₃ COOH (*)	mg/m ³	SOP-HT-06	<0,5	<0,5	<0,5	25
12	Butyl Axetate (*)	mg/m ³	SOP-HT-10	<9,5	<9,5	<9,5	500 ⁽⁴⁾
13	Toluen	mg/m ³	NIOSH Method 1501	<0,007	<0,007	<0,007	100
14	Benzen	mg/m ³	NIOSH Method 1501*	<0,003	<0,003	<0,003	5
15	Metyl etyl Keton (***)	mg/m ³	NIOSH Method 2555:2003	<0,006	<0,006	<0,006	150 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học nơi làm việc.
- (1) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CENTER OF ENVIRONMENTAL ENGINEERING AND CHEMICAL SAFETY

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.32669875 Email: ceecs.vhhen@gmail.com

Giấy chứng nhận hoạt động Quan trắc môi trường: VIMCERTS 195



- (2) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Giá trị cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- (3) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- (4) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động
- Dấu (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty cổ phần công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam.
- Dấu (***): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Trạm quan trắc và phân tích môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

THAY MẶT
NHÓM QUAN TRẮC

Lại Thị Thanh Nhân

TRƯỞNG PHÒNG
MÔI TRƯỜNG

ThS. Đinh Duy Chinh

KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC



ThS. Nguyễn Thị Hạnh



www.cecp.vn

Bộ Công Thương
Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SẢN XUẤT SẠCH

Add: No. 655 Phạm Văn Đồng – Cổ Nhuế 1 – Bắc Từ Liêm – Hà Nội
Tel: 024. 22155192 Email: info@cecp.vn VIMCERTS 072 VILAS 1327



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KT 2202.20/1-3/28.211

Khách hàng	: Trung tâm kỹ thuật Môi trường và An toàn hóa chất- CN Viện Hóa Học Công Nghiệp Việt Nam
Địa chỉ	: Số 2 Phạm Ngũ Lão-Phan Chu Trinh-Hoàn Kiếm- Hà Nội
Loại mẫu	: Khí thải
Ngày nhận mẫu	: 14/02/2022 Ngày thử nghiệm : 14/02/2022 – 21/02/2022
Thông tin về mẫu	: KTMT/0222/Jojomark/KT1-1 (KT2202.20/1) KTMT/0222/Jojomark /KT1-2 (KT2202.20/2) KTMT/0222/Jojomark /KT1-3 (KT2202.20/3)
Tình trạng mẫu	: Ông than hoạt tính bọc kín hai đầu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				KT2202.20/1	KT2202.20/2	KT2202.20/3
1	n-Propanol	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	<0,075	<0,075	<0,075

Ghi chú:

- Mẫu do khách gửi đến;
- Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp;

Cán bộ lập phiếu

Quản lý kỹ thuật

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Chiam đốc

Bùi Thị Thơm

Phạm Biên Cương



Cao Duy Bảo



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN : Số 3, ngõ 134/44/9 đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 01-11/02/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Trung tâm Kỹ thuật môi trường và an toàn hóa chất – CN Viện hóa học công nghiệp Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Joyomark (Việt Nam)- Lô số 10, đường TS-19, KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu : Khu vực in: K1
Khu vực cất sản phẩm: K2
Khu vực kiểm tra sản phẩm: K3
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí lao động Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 11/02/2022 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 16/02/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		
				K1	K2	K3
1.	CH ₃ COOH	mg/m ³	SOP-HT-06	<0,5	<0,5	<0,5
2.	Butyl axetat	mg/m ³	SOP-HT-10	<9,5	<9,5	<9,5

CÁN BỘ THỬ NGHIỆM

Nguyễn Văn Việt

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN

Dương Thị Nga

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022



1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.



ISO 9001:2015
VIMCERT 025

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Địa chỉ: 99 Trần Quốc Toàn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024-22172480; 024-22172473 Fax: 024-38223011



Số: 00415/2022/PKQ (22/05.03-0193)

Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên khách hàng:	TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT-
2	Địa chỉ:	CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
3	Ngày nhận mẫu:	Số 02, Phạm Ngũ Lão, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Loại mẫu:	14/02/2022
5	Cán bộ tham gia thực hiện:	Không khí
Cán bộ phân tích		
Đỗ Việt Hưng		

6. Kết quả như sau:

Không khí khu vực làm việc

TT	Ký hiệu mẫu	Metyl Etyl Keton (mg/m ³)
Phương pháp thử		NIOSH Method 2555 : 2003
1	KTMT/0222/Jojomark/K1	<0,006
2	KTMT/0222/Jojomark/K2	<0,006
3	KTMT/0222/Jojomark/K3	<0,006

Ghi chú:

- Loại mẫu và thể tích do khách hàng cung cấp.

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



GIÁM ĐỐC
Thái Hà Vinh

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Trưởng phòng

Thư Hà
Đặng Thị Thu Hà



VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 2 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Hotline: (024) 3824 2107 - 0981 306 660 | Email: trungtamphanthich341@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ.V12.02.22

Tên khách hàng: Trung tâm kỹ thuật Môi trường và An toàn Hóa chất

Địa chỉ: Số 2 Phạm Ngũ Lão, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ngày nhận mẫu: 11/02/2022

Tên mẫu: Mẫu nước thải - N 545

Mã hiệu mẫu: N.11.02.22/V012

Loại mẫu: Nước thải

Thời gian thử nghiệm: 11/02/2022 – 16/02/2022

Tình trạng mẫu: Mẫu nước hơi đục

Lượng mẫu: Khoảng 300 ml

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	LOD (Giới hạn phát hiện của phương pháp)	Kết quả
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-2 : 1996	MPN/100mL	3	2100

Ghi chú:

- Mẫu do khách hàng mang đến Trung tâm Phân tích.
- Tên khách hàng, tên mẫu và tên chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Các chỉ tiêu không đánh dấu (**) thuộc phép thử đã được công nhận đạt Vimcerts 087.
- Không được sao chép từng phần hay toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không được phép của Trung tâm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Mọi thông tin và dữ liệu liên quan đến khách hàng cam kết sẽ được bảo mật.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

TUQU. VIỆN TRƯỞNG

TM. Cán bộ phân tích

Cán bộ kiểm tra

Giám đốc Trung tâm

ThS. Ngô Thị Tuyền Yên

ThS. Nguyễn Thu Hiền



ThS. Nguyễn Đoàn Huy